

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HC-ST

Ngày 03-12-2020

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Be

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Lượng;

Ông Hà Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần An - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 11 và ngày 03 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-HC ngày 26 tháng 5 năm 2020 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HC ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1965; cư trú tại: Số 142A, Quốc lộ 22B, khu phố D, phường Tr, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Hồng B, sinh năm 1976; cư trú tại: A16/61 ấp 1, xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02-7-2020; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Ông Kiều Công M, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ông Lương Nguyễn Đăng D, chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ông Võ Xuân Tr, chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ông Trần Quang K, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964; cư trú tại: Số 142A, Quốc lộ 22B khu phố L, phường Tr, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của ông D: Ông Trần Hồng B, sinh năm 1976; cư trú tại: A16/61 Ấp 1, xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh – Là người đại diện ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02-7-2020; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 18-5-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21-5-2020, ngày 02-11-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện – bà Nguyễn Thị Ánh L và người đại diện hợp pháp của bà L là ông Trần Hồng B trình bày:

Ngày 28-01-2019, bà L nhận được Quyết định thu hồi đất số 229/QĐ-UBND ngày 23-01-2019 của Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã T) (sau đây gọi tắt là UBND) về việc thu hồi thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, diện tích 149,1 m² và Quyết định bồi thường hỗ trợ và tái định cư số 263/QĐ-UBND ngày 28-01-2019 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong dự án xây dựng công trình công cộng trước Trường THPT Nguyễn Trãi.

Qua xem xét, căn cứ Bảng chiết tính chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo và so sánh với giá cả thị trường thì bà L không đồng ý vì các lý do sau:

Thứ nhất: Về giá đất ở tại đô thị mà UBND huyện T áp giá bồi thường cho bà L là 32.000.000 đồng/m² là quá thấp so với giá thị trường bất động sản tại thời điểm thu hồi đất, vì hiện tại giá trị trường giao dịch xung quanh khu đất của bà L là 45.000.000 đồng/m² – 50.000.000 đồng/m².

Thứ hai: Về việc UBND huyện T áp dụng 20m đầu 32.000.000 đồng/m² và mét thứ 21 trở về sau với giá 17.152.000 đồng/m² là không hợp lý, không đúng quy định. Vì đất của bà L toàn bộ là đất thổ cư tại đô thị trọn thửa không tách nhập thửa và cũng không có văn bản nào quy định 20m đầu giá khác còn 21 mét tiếp theo giá khác.

Thứ ba: Về giá trị tài sản trên đất là căn nhà kiên cố 3 tầng của bà L mà UBND huyện T áp giá 5.724.000 đồng/m² là quá thấp so với giá trị thị trường hiện tại. Vì hiện tại giá trị xây dựng hoàn thiện hiện nhà cấp 2 từ 6.000.000 đồng - 8.000.000 đồng/m².

Từ những bất hợp lý trên, ngày 14-02-2019, bà L có gửi Đơn khiếu nại đến UBND huyện T để khiếu nại Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 28-01-2019 của UBND huyện T về việc giá cả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, yêu cầu UBND huyện T xem xét áp giá bồi thường đất và nhà của bà phù hợp với giá trị thị trường tại thời điểm thu hồi đất, tương ứng là:

Giá đất ở là 50.000.000 đồng/m² x 149,10m² = 7.455.000.000 đồng.

Giá trị nhà ở là 6.000.000 đồng/m² x (337,38 m² + 67,26 m²) = 2.427.840.000 đồng.

Ngày 27-6-2019, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 115/QĐ-UBND bác toàn bộ Đơn khiếu nại của bà L và giữ nguyên Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 28-01-2019 của UBND huyện T.

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 của Chủ tịch UBND huyện T.

- Yêu cầu Tòa án lập hội đồng định giá, định giá lại theo giá mới Chính phủ ban hành theo Nghị định số 96/2019 NĐ/CP ngày 19-04-2019 về khung giá đất ở đô thị.

- Yêu cầu bồi thường theo giá đất như trên và bồi thường khoản mất thu nhập hàng tháng là 15.000.000 đồng/tháng tính từ thời điểm khởi công công trình cho đến ngày xét xử phúc thẩm vì lý do rào chắn công trình gây cản trở làm cho bà L không thể kinh doanh, mua bán. Với số tiền tạm tính từ ngày 01-8-2020 đến ngày 30-6-2021 là 11 tháng x 15.000.000 đồng = 165.000.000 đồng.

Người bị kiện - Chủ tịch ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh tại Văn bản số 199/UBND ngày 17-07-2020, trình bày:

Về cơ sở ban hành Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 28-01-2019 của UBND huyện T về bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Xây dựng công trình công cộng trước Trường THPT Nguyễn Trãi đối với hộ gia đình bà L Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Quyết định số

3073/QĐ-UBND của UBND tỉnh Tây Ninh ngày 18-12-2018; Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 23-01-2019 và Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 23-01-2019 của UBND huyện T.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân thị xã T:

+ Về trình tự thủ tục bồi thường: Thực hiện theo trình tự thủ tục bồi thường theo Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và các Văn bản hướng dẫn khác có liên quan đối với công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư.

+ Về giá bồi thường về đất: Căn cứ Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 18-12-2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường đất thực hiện dự án Xây dựng công trình công cộng trước trường THPT Nguyễn Trãi (giai đoạn 2).

+ Về giá bồi thường nhà cửa vật kiến trúc: Căn cứ Quyết định số 81/2014/QĐ-UBND ngày 31-12-2014 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Bảng đơn giá nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Như vậy, về trình tự thủ tục bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và việc bồi thường về đất, nhà cửa vật kiến trúc, cây trồng cũng như các chính sách hỗ trợ đối với hộ gia đình bà L đã được UBND huyện T thực hiện đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật.

UBND huyện đề nghị Tòa án xem xét giữ nguyên Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 28-01-2019 về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Xây dựng công trình công cộng trước Trường THPT Nguyễn Trãi (giai đoạn 2) đối với bà L.

Đối với Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 27-06-2019 của Chủ tịch UBND huyện Trảng B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà L (lần đầu):

Sau khi làm việc trực tiếp với người đại diện theo ủy quyền của bà L, nội dung khiếu nại cụ thể như sau:

- Tổng giá trị bồi thường về đất theo Quyết định số 263/QĐ-UBND là 4.543.507.200 đồng, bà L yêu cầu bồi thường theo đơn giá 50.000.000 đồng/m² x 149,1m² = 7.455.000.000 đồng.

- Tổng giá trị bồi thường về nhà theo Quyết định số 263/QĐ-UBND là 2.116.503.363 đồng, bà L yêu cầu bồi thường theo đơn giá 6.000.000 đồng/m² x (337,38 m² + 67,26 m²) = 2.427.840.000 đồng.

- Các nội dung bồi thường, hỗ trợ khác của Quyết định số 263/QĐ-UBND, ngày 28-01-2019 và Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 23-01-2019 của UBND huyện, bà L đồng ý không khiếu nại.

Quá trình xem xét giải quyết đơn khiếu nại:

- Đối với nội dung khiếu nại về giá bồi thường về đất và giá bồi thường về nhà cửa vật kiến trúc: UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan Thanh tra kiểm tra, xem

xét lại việc tính giá bồi thường về đất cũng như giá bồi thường về nhà cửa vật kiến trúc, kết quả kiểm tra cho thấy giá bồi thường về đất cũng như giá bồi thường về nhà cửa vật kiến trúc phù hợp quy định theo Quyết định số 81/2014/QĐ-UBND ngày 31-12-2014 và Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 18-12-2018 của UBND tỉnh Tây Ninh.

- Quá trình xem xét giải quyết, bà L không cung cấp được hồ sơ chứng minh đơn giá về nhà, đơn giá về đất mà ông yêu cầu bồi thường.

Xét thấy, việc bà L khiếu nại đơn giá bồi thường về đất và đơn giá bồi thường về nhà, đối với Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 28-01-2019 của UBND huyện là không đủ cơ sở xem xét.

Từ những lý do trên Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 27-06-2019 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà L (lần đầu). Nội dung: Bác đơn khiếu nại của bà L khiếu nại đối với quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 28-01-2019 của UBND huyện về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, lý do: Khiếu nại không đủ cơ sở xem xét.

Đề nghị Tòa án xem xét giữ nguyên Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 của Chủ tịch UBND huyện T (nay thị xã T).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh tại Văn bản số 2520/UBND-TD ngày 19-10-2020 trình bày:

Việc ban hành Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 18-12-2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt giá bồi thường về đất để thực hiện dự án Xây dựng công trình công cộng trước trường THPT Nguyễn Trãi (giai đoạn 2), là đúng theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Văn D và người đại diện hợp pháp của ông D là ông Trần Hồng B trình bày: Ông D là chồng bà L, có cùng quan điểm với bà L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Tây Ninh trình bày:

Giữ nguyên quan điểm trình bày tại văn bản số 2520/UBND-TD ngày 19-10-2020 ngày 15-5-2020 của UBND tỉnh Tây Ninh.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên Tòa những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là UBND tỉnh Tây Ninh và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Tây Ninh là ông Kiều Công M, ông Lương Nguyễn Đăng D, ông Võ Xuân Tr vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Ngày 18-5-2020, ngày 21-5-2020 và ngày 02-11-2020, bà L có đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 của Chủ tịch UBND huyện T.

Căn cứ quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính 2015 thì đây là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Bà L yêu cầu giải quyết là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định;

Thực hiện dự án xây dựng công trình công cộng trước Trường THPT Nguyễn Trãi, UBND huyện T ban hành các Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường cho các hộ dân trong đó có hộ của bà L. Trong quá trình ban hành các quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ tái định cư, có 02 hộ dân đã chấp hành, còn 04 hộ không chấp hành đã khởi kiện. Theo đó, UBND huyện T ban hành Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 23-01-2019 về việc thu hồi thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, diện tích 149,1 m²; Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 28-01-2019 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 giải quyết khiếu nại. Do đó, về thẩm quyền và trình tự ban hành các quyết định trên của UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T là hoàn toàn đúng trình tự và thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Về nội dung các quyết định hành chính bị kiện:

[4.1] Xét yêu cầu về bồi thường giá đất, mức giá thấp so với giá thị trường.

Đối với giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi, để có cơ sở giải quyết bồi thường, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh – chi nhánh tại Trảng Bàng đã thuê đơn vị tư vấn là Công ty TNHH Thẩm định giá NoVa tiến hành điều tra, khảo sát giá các thửa đất (11 hợp đồng chuyển nhượng) có vị trí tương đồng với vị trí đất cần thu hồi, thông tin thửa đất thu hồi (vị trí, loại đất, diện tích đất) đã được cơ quan chức năng thị xã T xác định, kèm theo sơ đồ trích lục thửa đất. Các phiếu điều tra, khảo sát giá chuyển nhượng, xác định giá đất được thực hiện theo quy

định tại Điều 112 của Luật Đất đai năm 2013, phương pháp xác định giá đất áp dụng phương pháp so sánh theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về giá đất và quy định tại Điều 3 Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30-6-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất.

Về việc lấy ý kiến người dân về giá bồi thường đất đã thực hiện theo đúng quy định, tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án, giá bồi thường đất. Tại buổi công khai dự thảo phương án có 02/06 hộ chưa đồng ý giá bồi thường đất (yêu cầu bồi thường 40.000.000 đồng/m² nhưng trong thời gian niêm yết công khai cho đến khi kết thúc thời gian niêm yết thì không có hộ dân nào gửi đơn kiến nghị hoặc khiếu nại. Đồng thời, qua khảo sát việc chuyển nhượng thực tế của các thửa đất lân cận khu vực dự án chưa có trường hợp nào chuyển nhượng có giá lên đến 40.000.000 đồng/m². Tại Chứng thư số 02CN-TN/04/19/CTM ngày 03-4-2019 của Công ty TNHH Thẩm định giá và giám định Chân Trời Mới do phía bà L cung cấp thể hiện giá cao nhất là 36.842.000 đồng/m² nhưng bà L khởi kiện yêu cầu áp giá bồi thường 45.000.000 đồng – 50.000.000 đồng/m² nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là chính đáng. Đồng thời trong chứng thư này cũng không có điều tra, khảo sát giá các thửa đất có vị trí, loại đất diện tích đất tương đồng với vị trí đất cần thu hồi.

Về mức giá bồi thường về đất cũng như giá bồi thường về nhà cửa vật kiến trúc theo Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 28-01-2019 của UBND huyện T phù hợp với mức giá bồi thường theo quy định tại Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 18-12-2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường đất thực hiện dự án Xây dựng công trình công cộng trước Trường THPT Nguyễn Trãi (giai đoạn 2) và Quyết định số 81/2014/QĐ-UBND ngày 31-12-2014 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Bảng đơn giá nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

[4.2} Xét về yêu cầu Tòa án định giá lại: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L và người đại diện hợp pháp của bà L có đơn yêu cầu định giá tài sản vì lý do cho rằng giá bồi thường quá thấp so với thị trường, tuy nhiên căn cứ tiêu mục 13, mục I của Văn bản số: 02/GĐ-TATC ngày 19-9-2016 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp một số vấn đề tố tụng hành chính, tố tụng dân sự quy định "Trường hợp khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất mà có yêu cầu Tòa án xem xét về giá bồi thường thì Tòa án căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, mục đích thu hồi đất, giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất để giải quyết vụ án mà không được tiến hành định giá giá trị quyền sử dụng đất". Do đó, Tòa án không tiến hành định giá theo yêu cầu của bà L và người đại diện hợp pháp của bà L.

[4.3] Xét yêu cầu bồi thường mất thu nhập hàng tháng:

Bà L và người đại diện hợp pháp có yêu cầu bồi sung số tiền mất thu nhập là 11 tháng x 15.000.000 đồng = 165.000.000 đồng, đối với yêu cầu bồi thường này của bà L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Tổ tụng hành chính quy định "Người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính có thể đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính...gây ra" và thiệt hại này phải là thiệt hại thực tế do quyết định hành chính gây ra nhưng bà L yêu cầu bồi thường tính từ ngày 01-8-2020 đến ngày 30-6-2021 là không phù hợp, mặt khác lý do bà L trình bày là do rào chắn công trình gây cản trở làm cho bà L không thể kinh doanh chứ không phải là do quyết định hành chính mà bà L khởi kiện gây ra. Bên cạnh đó, vấn đề này bà L cũng chưa yêu cầu UBND huyện T giải quyết, nên chưa được UBND huyện T giải quyết. Theo quy định tại khoản 2, Điều 7 của Luật Tổ tụng hành chính nếu sau này bà L đủ điều kiện để chứng minh thiệt hại bị ảnh hưởng thì bà L có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác. Do đó, Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[4.4] Xét Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh:

Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 là Quyết định giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 28-01-2019 có nội dung giữ nguyên Quyết định số 115/QĐ-UBND, về thẩm quyền giải quyết khiếu nại và hình thức của các quyết định là đúng quy định của pháp luật.

Để xem xét quyết định này có hợp pháp hay không thì phải xem xét Quyết định số 263/QĐ-UBND có hợp pháp hay không, Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ mà UBND huyện T ban hành Quyết định số 263/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án xây dựng công trình công cộng là phù hợp với quy định pháp luật. Như vậy, nội dung quyết định giải quyết khiếu nại đều đúng nên không có căn cứ để hủy quyết định.

Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại: Căn cứ khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 18 của Luật Khiếu nại Chủ tịch UBND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính của UBND cấp huyện. Do đó, Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà L là đúng thẩm quyền luật định.

[4.5] Đối với những quyết định khác như Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 23-01-2019 về việc thu hồi thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, diện tích 149,1 m²; và Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 28-01-2019 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 18-12-2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường đất thực hiện dự án Xây dựng công trình công cộng trước Trường THPT Nguyễn Trãi (giai đoạn 2) và Quyết định số 81/2014/QĐ-UBND ngày 31-12-2014 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Bảng đơn giá nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. bà L không khởi kiện. Tuy nhiên, theo quy định tại

khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính Hội đồng xét xử xem xét các quyết định trên trong vụ án này, cụ thể:

Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 23-01-2019 của UBND huyện T về việc thu hồi thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, diện tích 149,1 m² quyết định này có hiệu lực.

Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 28-01-2019 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Quyết định này đã có hiệu lực thi hành nên không còn xem xét.

Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 18-12-2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường đất thực hiện dự án đã có hiệu lực thi hành nên không còn xem xét.

Quyết định số 81/2014/QĐ-UBND ngày 31-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Bảng đơn giá nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có hiệu lực nên không còn xem xét.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Luật Khiếu nại 2011;

Căn cứ Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh L về việc:

- Hủy Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 của Chủ tịch UBND huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết khiếu nại.

- Yêu cầu Tòa án định giá lại quyền sử dụng đất.

2. Tách việc yêu cầu bồi thường thiệt hại mất thu nhập hàng tháng số tiền

165.000.000 đồng của bà L ra giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm hành chính, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) theo biên lai thu số 0001308 ngày 26-5-2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; bà L đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Văn Be

